



“TRIẾT HỌC PHƯƠNG ĐÔNG”

Vài nét tổng quan

FSPPM
19.09.2021

East meets West · 东西相遇

Yang Liu · 刘扬



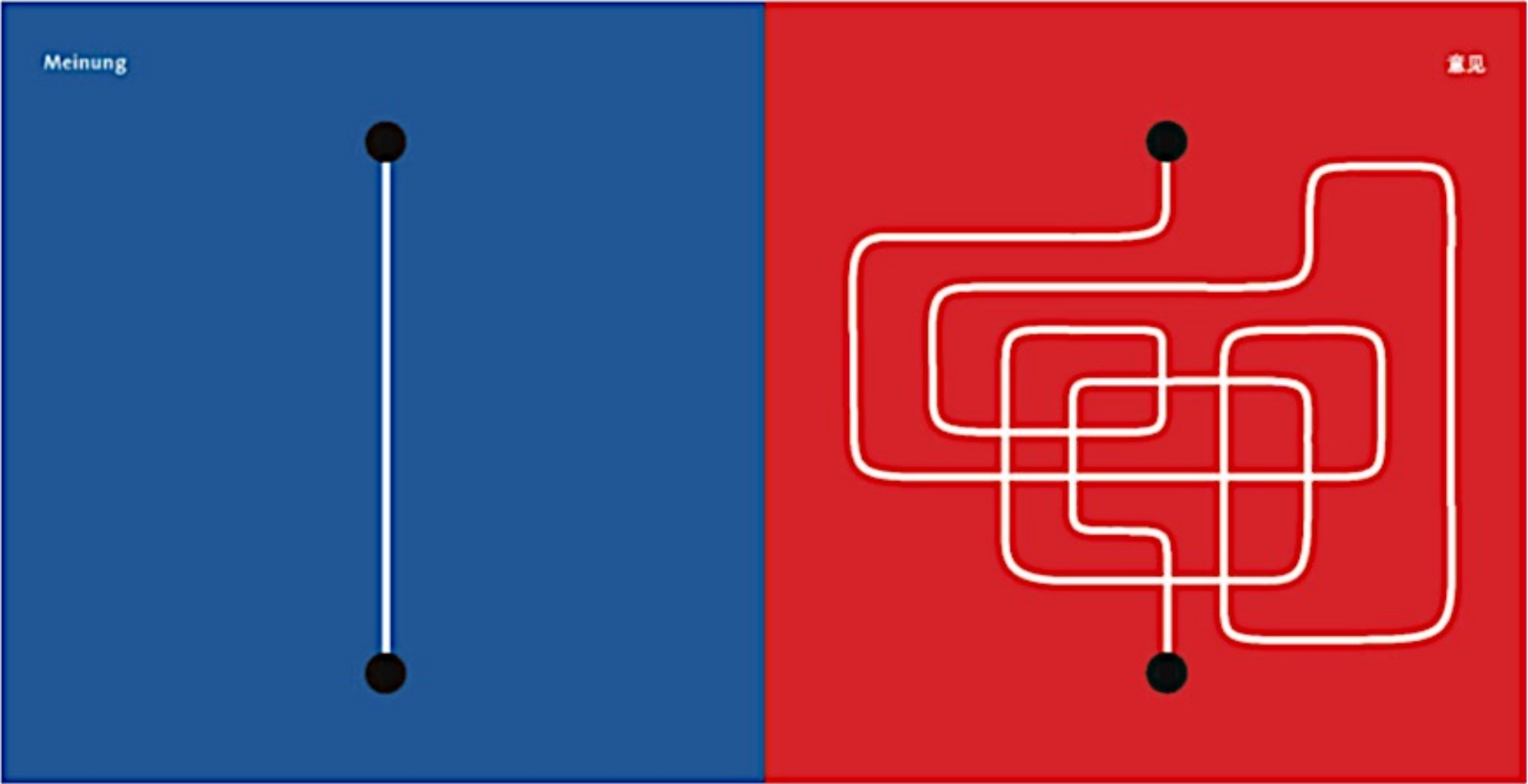
2015 TASCHEN



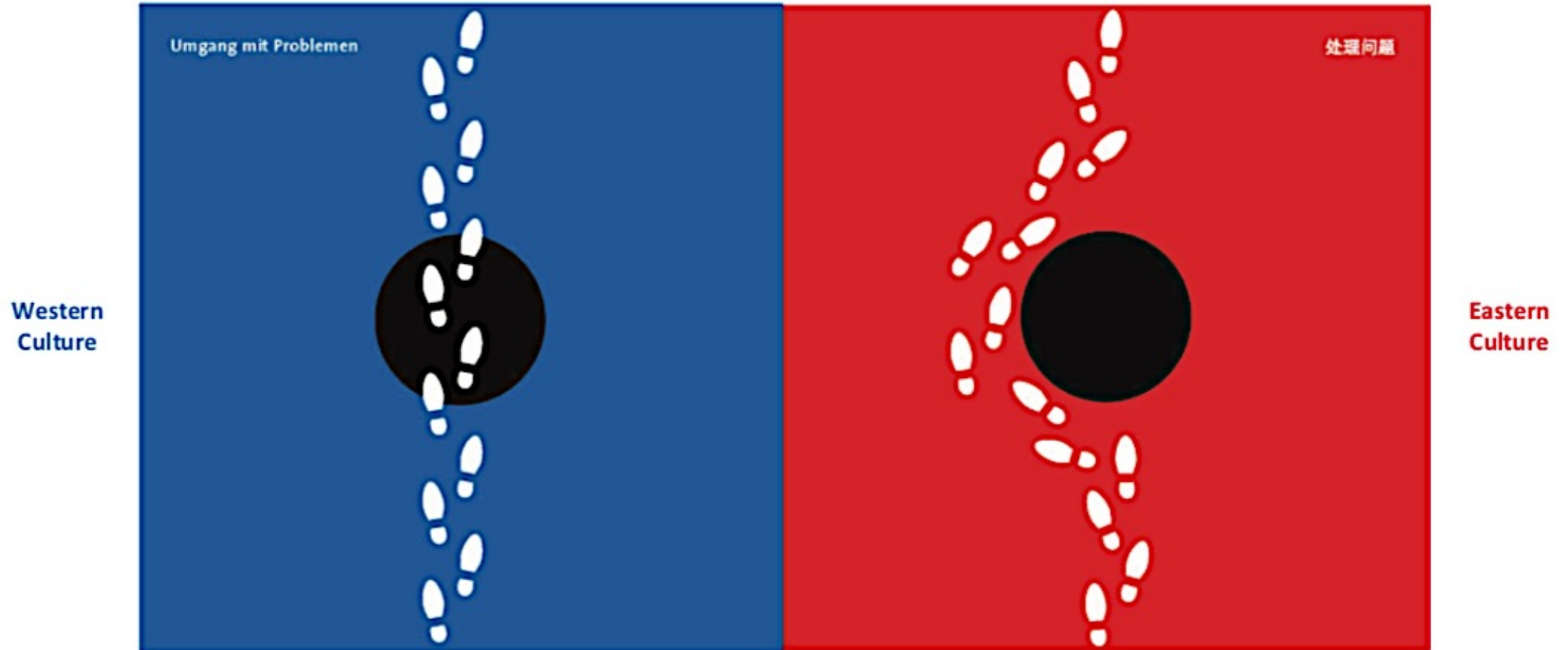
Opinions

Western
Culture

Eastern
Culture

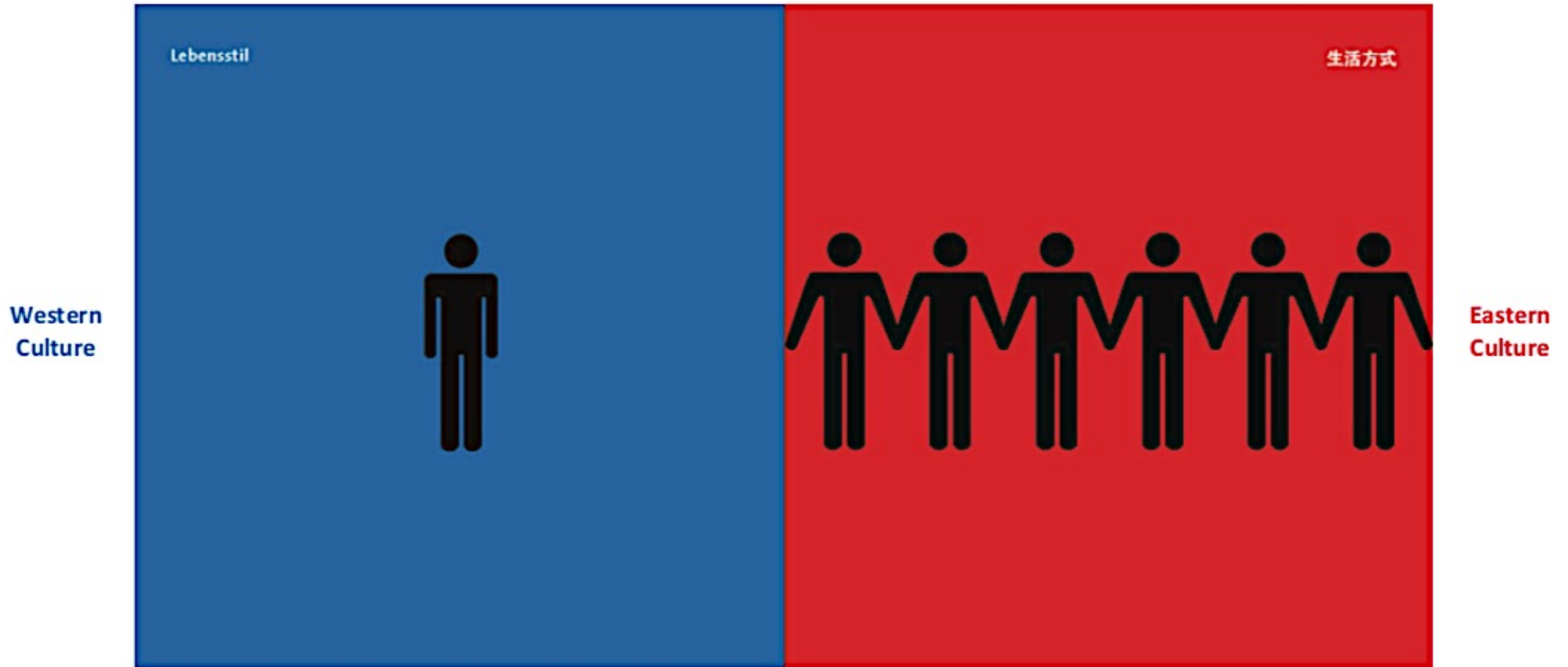


Handling Problems



Westerners tend to take the most direct approach to problem solving. Problem solving in Asia is a bit more complex, and it may involve an indirect approach.

Way of Life



Westerners assert a lot more independence and individualism; they mainly focus on themselves and their family. Easterners are more community-oriented. When travelling, Westerners will travel solo or in small groups while most Easterners will travel in large groups.

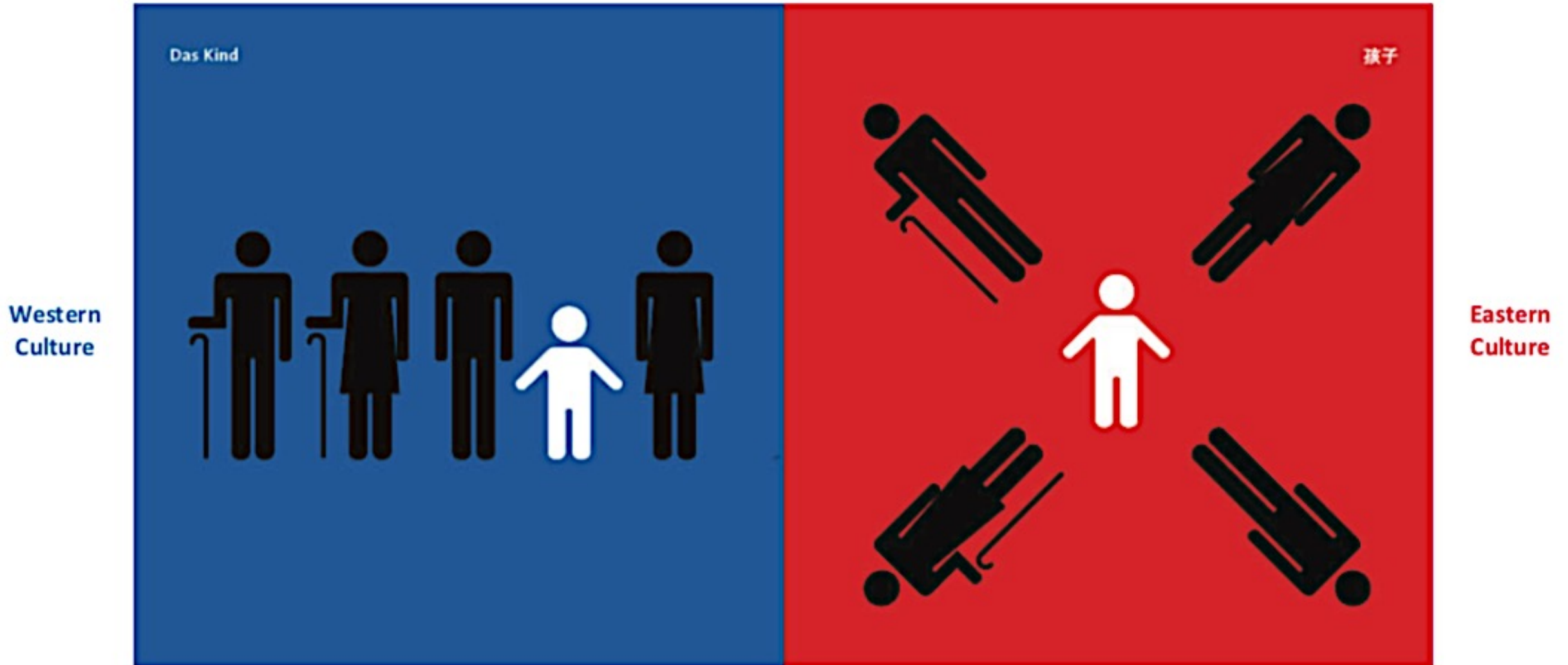
Self-portrayal



自我展现



The Child



In the West, primarily the parents raise their children, with the grandparents playing less of a role in day-to-day life. In the East, both parents and grandparents are actively involved in raising their children, sometimes giving overwhelming attention.

Punctuality

Pünktlichkeit



Western
Culture

准时



Eastern
Culture

Westerners are particularly and extremely focused on time while Easterners are more relaxed in comparison.

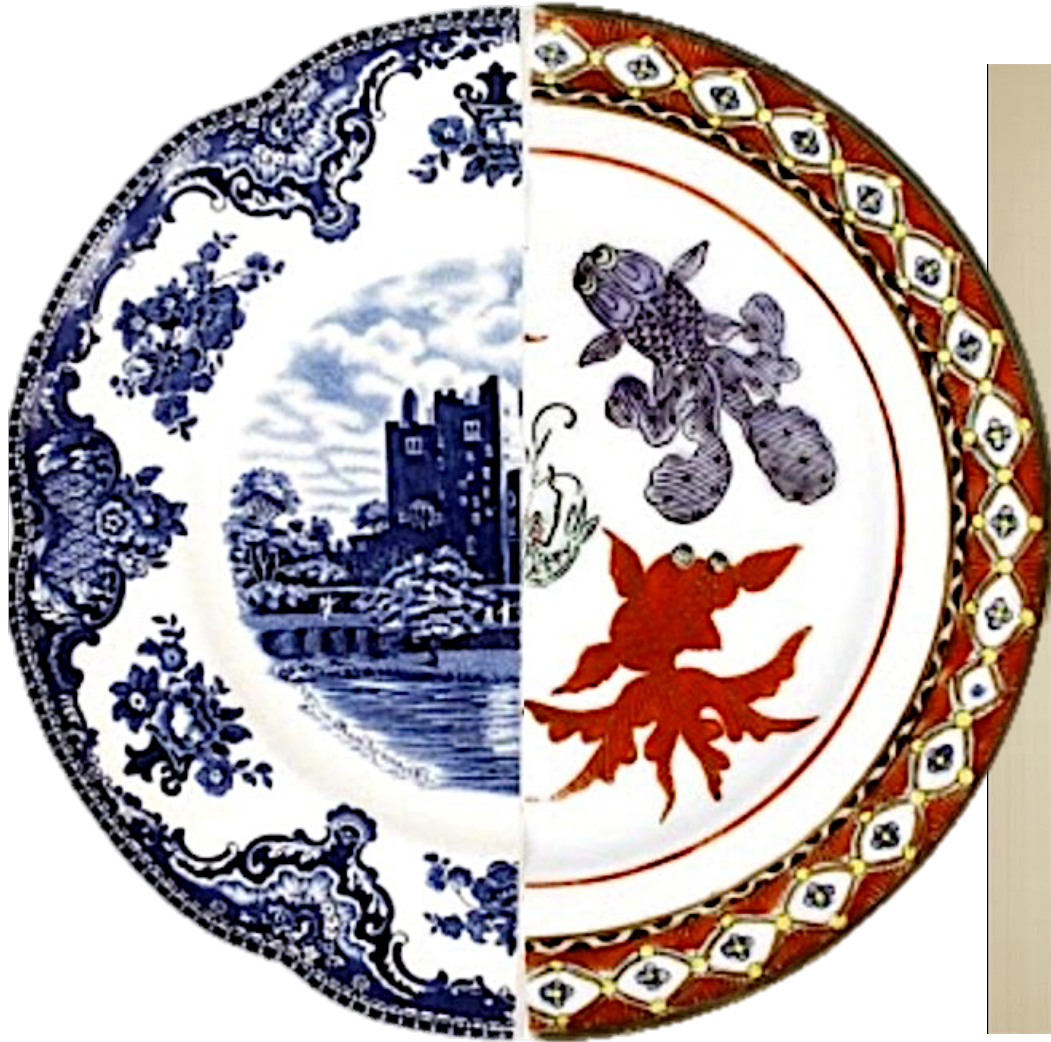
YIN

NEGATIVE
FEMALE
NIGHT
PASSIVE
MOON
INTUITIVE
COLD
SOFT

YANG

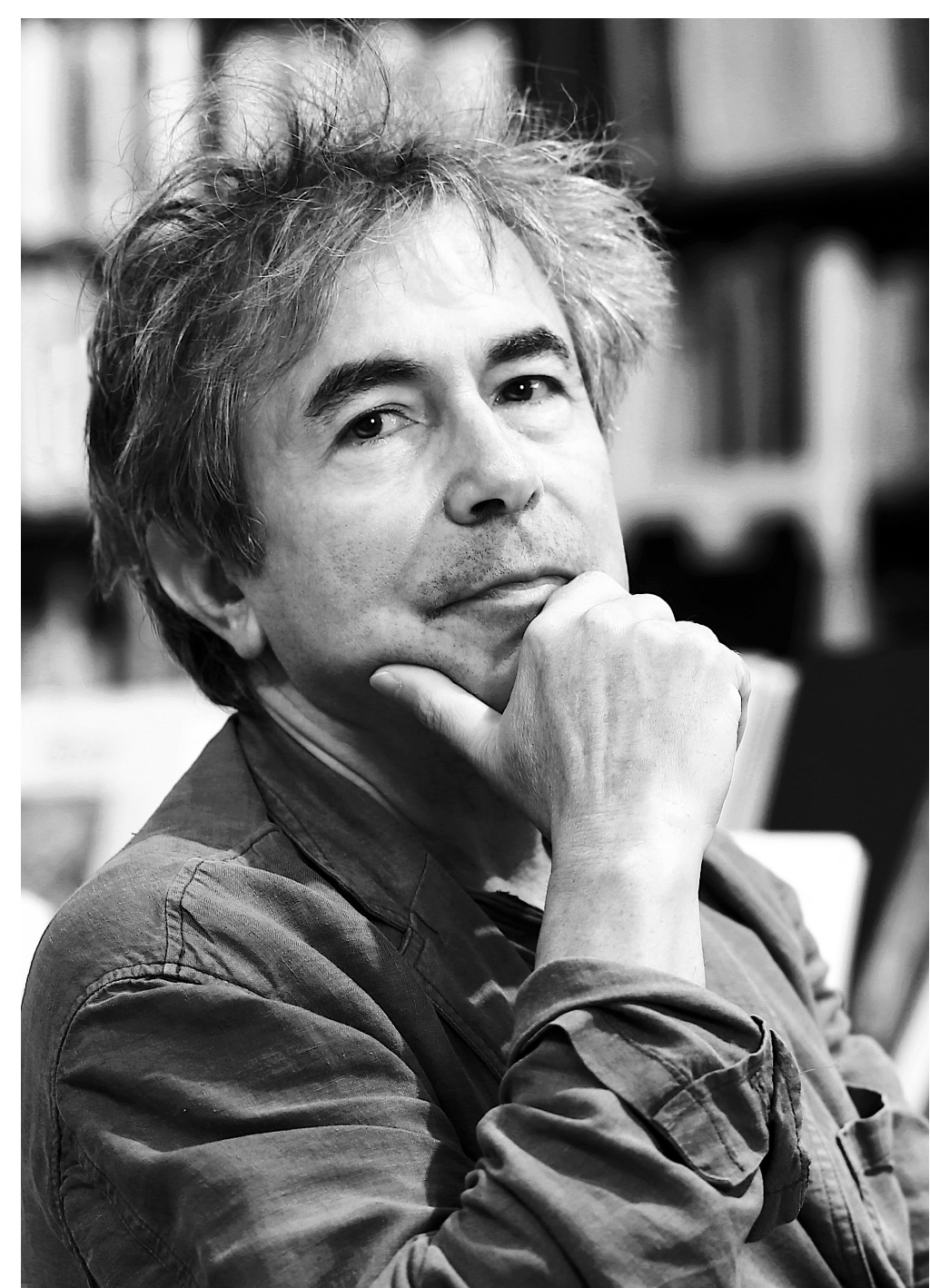
POSITIVE
MALE
DAY
ACTIVE
SUN
LOGICAL
HOT
HARD





EASTERN VS. WESTERN PHILOSOPHY

WESTERN	EASTERN
THERE IS A SPIRITUAL REALITY AND A PHYSICAL ONE. THEY ARE SEPARATE.	THERE IS ONE REALITY.
HUMAN LIFE IS OFTEN VALUED ABOVE OTHER LIFE.	ALL LIFE MAY BE VIEWED AS SACRED.
THE DIVINE IS APART FROM MATERIAL AND EXISTS SEPARATELY FROM IT.	THE DIVINE IS A PART OF CREATION, AND FOUND EVERYWHERE IN IT.
THE JOURNEY OF MANKIND IS LINEAR.	THE JOURNEY OF MANKIND IS CYCLICAL.
GOAL: TO DEAL WITH THE PROBLEM OF SIN/IMMORALITY AND BE REUNITED WITH GOD.	GOAL: TO DEAL WITH THE PROBLEM OF IGNORANCE AND ACHIEVE ENLIGHTENMENT.

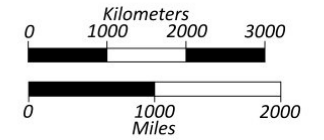


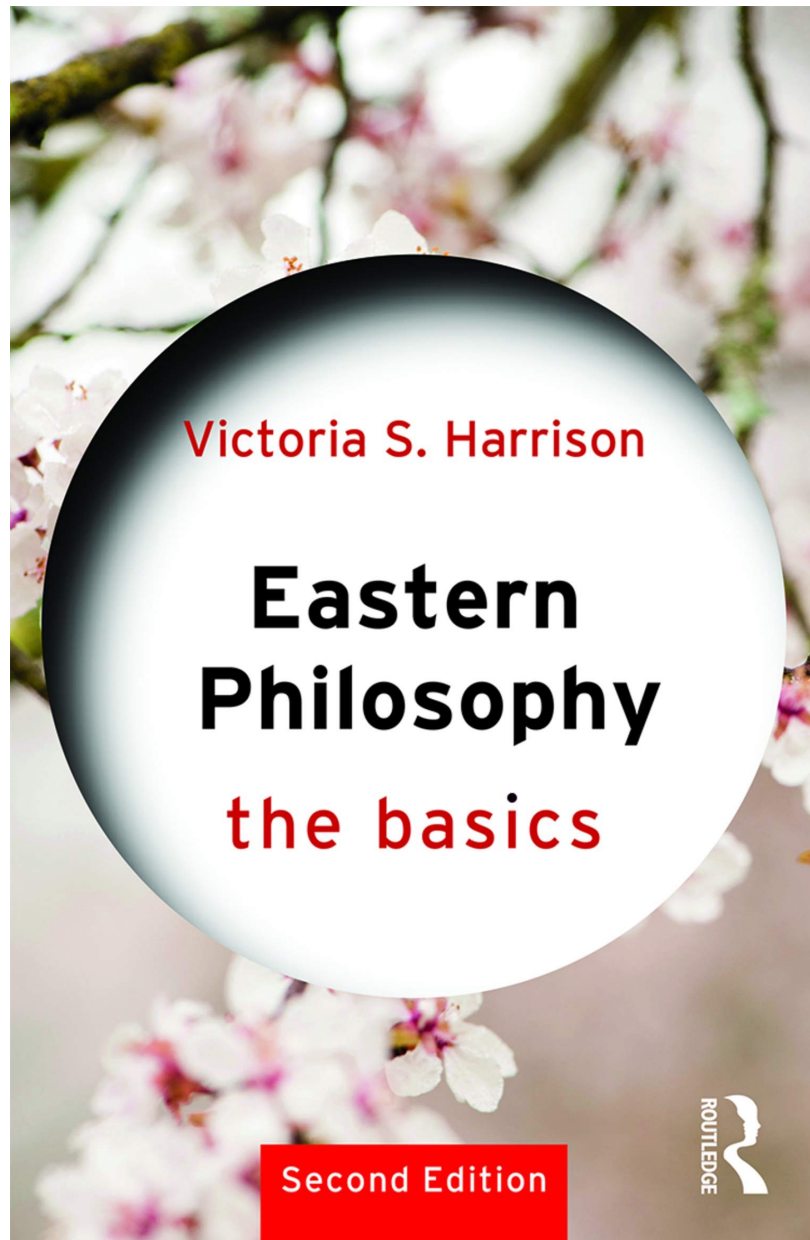
The one versus two. The Western mind has been frequently characterized as finding peace and security in tracing down the one cause that explains its many effects, the one god who created or, at least, moved the world; a Chinese understanding, on the other hand, appears to ask for insight into the interaction among two basic, contextualized instances, and the complex network of relations they constitute.

*Proces ou Creation: Une introduction a la pensee des lettres
chinois.* By Francois Jullien. Paris: Seuil, 1989.



World Map





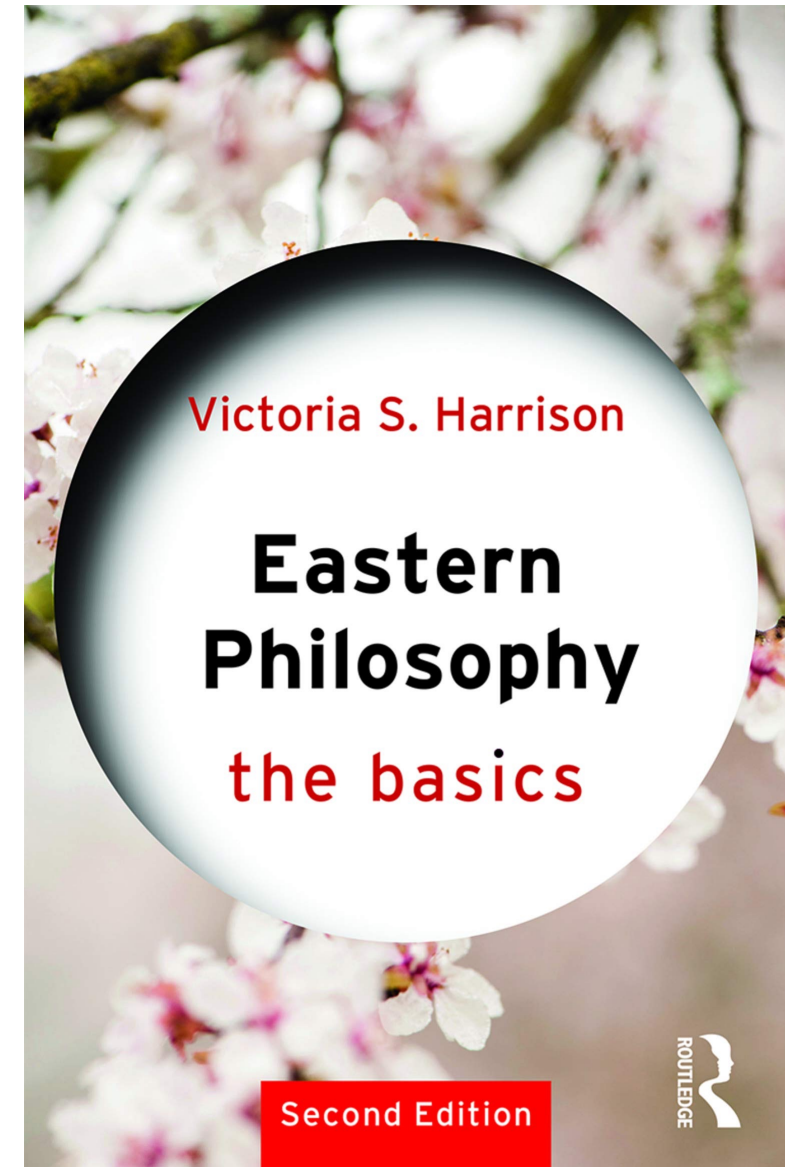
WHAT IS 'EASTERN PHILOSOPHY'?

Although many of the ideas discussed in this book are very old, some dating back over two thousand years, the convention of classifying them together under one heading – whether 'eastern philosophy', 'Asian philosophy' or 'oriental philosophy' – is a product of nineteenth-century western scholarship. Prior to modern times no one in India, China, Japan or Korea would have recognized any of those terms as identifying a unique object of study. Nonetheless these terms are now commonly used; although, due to increased sensitivity to the vice of 'orientalism' in the post-colonial era (Said 2003), since the late twentieth century the former two have often been preferred to 'oriental philosophy'.

Employing a term such as 'eastern philosophy' emphasizes a contrast between the philosophy of the European tradition (with its extensions into America and Australasia) and non-European philosophy. This way of framing the relationship between the world's philosophies – in terms of two categories, European (western) and non-European (eastern) – gives the misleading impression that 'eastern philosophy' is a single homogeneous tradition. This is

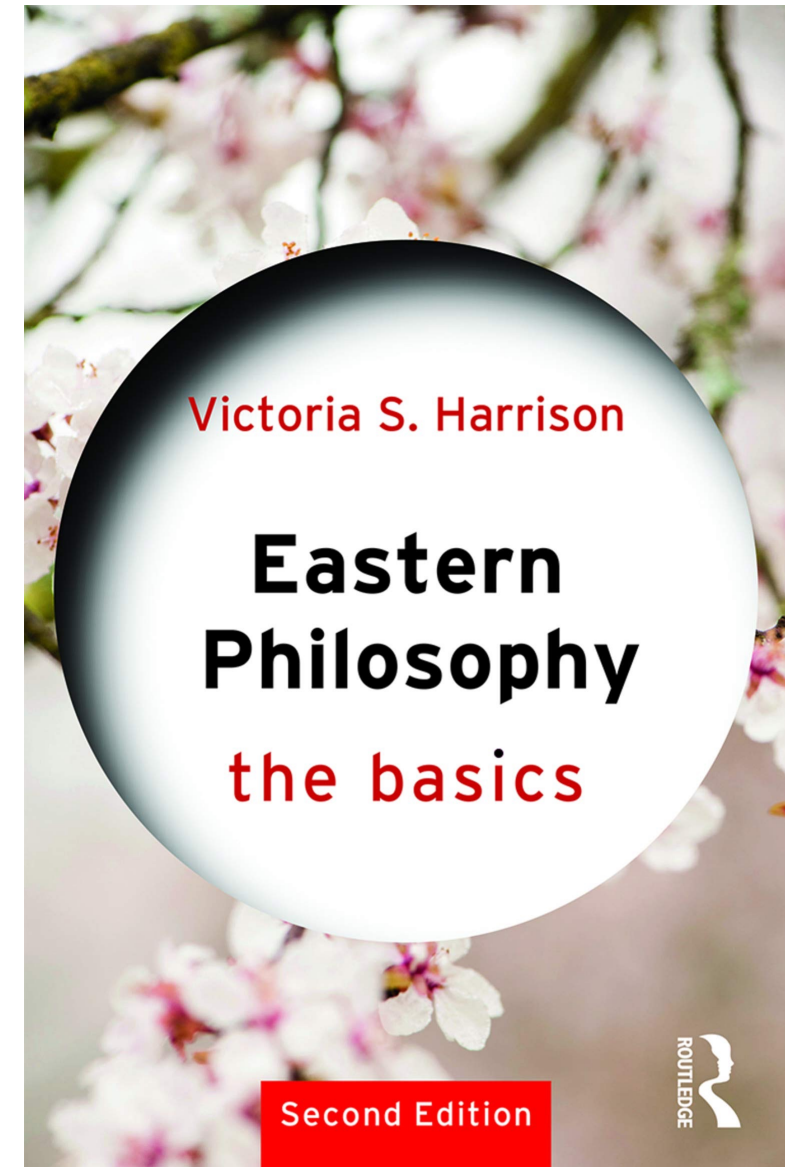


unhelpful because, in focusing our minds on a supposed clear-cut contrast between 'eastern' and 'western' philosophies, attention is drawn away from the details of the distinct philosophical systems of Asia. If we focus instead on these details we will find ourselves confronted by **philosophies** that developed not only across broad sweeps of time but also across a huge environmentally diverse land mass that has been host to an array of political, religious and cultural systems colouring the intellectual life of specific regions in distinctive ways.



“To the Chinese, India is ‘West’ and, in fact, from a philosophical point of view, the philosophies of India are more akin to those that flourished in the ‘West’ than to those that have been prominent in China (on the shared heritage of Indian and ‘western’ philosophies, see McEvilley 2002).”

“So this book, despite its title, is really about *philosophy in Asia* rather than eastern philosophy. It is premised on the idea that *there is no such thing as eastern philosophy, if what we mean by that is a unified philosophical tradition growing from a common root* (in the way that European philosophy, despite later diversity, is rooted in the Hellenic tradition).”



Hellenic adjective



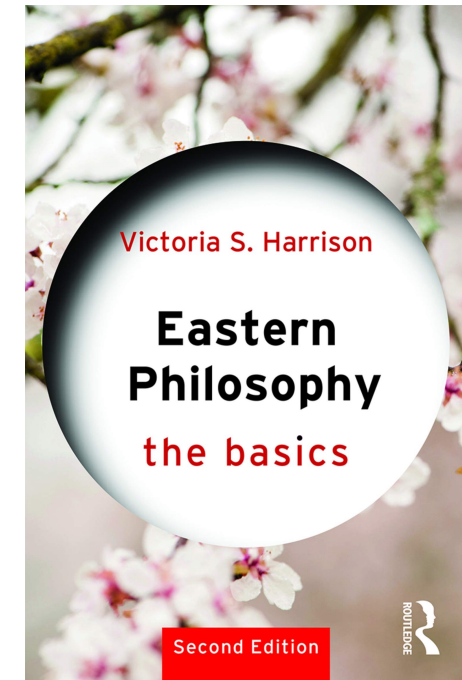
Hel·len·ic | \ he-'le-nik , hə- \

Definition of *Hellenic* (Entry 1 of 2)

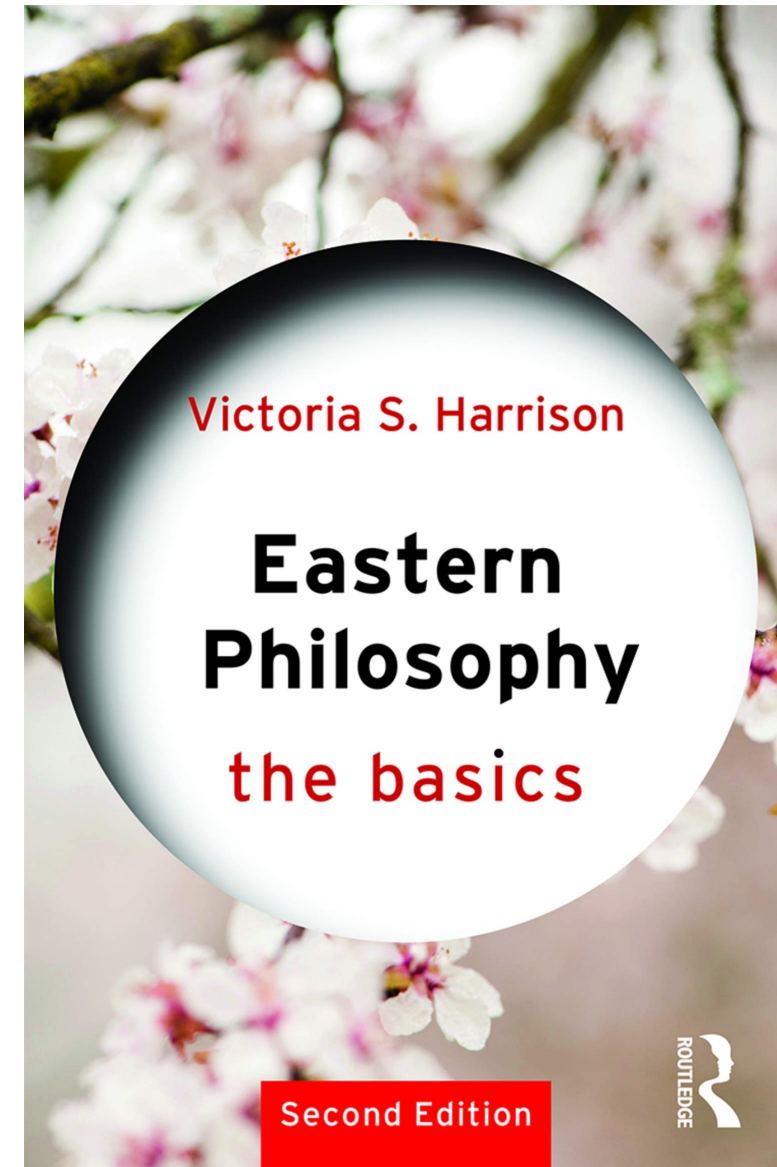
: of or relating to Greece, its people, or its language

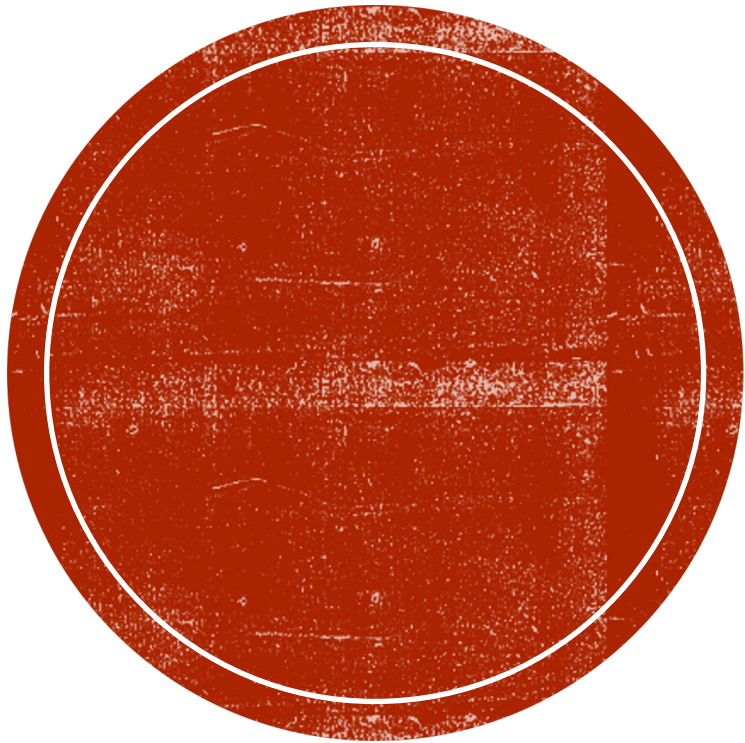
specifically : of or relating to ancient Greek history, culture, or art before the Hellenistic period

philosophy'. Readers might wonder, for example, why Islamic philosophy is not included. Briefly, that choice was made because regarding Islamic philosophy as one of the philosophies unique to Asia is especially hard to sustain given that it is rooted in the same Hellenic tradition as European philosophy (Fakhry 2004). This book focuses on certain of the philosophies that developed in India and China because, in each case, the roots of the traditions to be examined are found in non-Hellenic cultures. Moreover, the striking differences between the philosophies of India and those of China, as well as the diversity of philosophical systems found within each area, will support my claim that 'eastern philosophy' is a spurious category.



This book unapologetically concentrates on classical Indian philosophy and classical Chinese philosophy. This is because, with only a few exceptions – Islamic philosophy being one – all the major philosophies that were formative of Asian cultures developed from these two philosophical roots: the **Vedic root in India** and the **Sinitic root in China**. In explaining the ‘basics’ of these ancient and internally complex philosophies, this book guides the reader through a range of distinctive and insightful ways of thinking about the world and our place within it.





■ “Nonetheless, the questions which typically concern philosophers are remarkably similar wherever and whenever they are found: ‘*What is the self?*’, ‘*What is the best way to live?*’, ‘*Where do we come from?*’ and ‘*What happens when we die?*’. These questions have interested philosophers from all times and cultures; and that really shouldn’t surprise us, because they are the same questions that everyone ponders in their more reflective moments.”

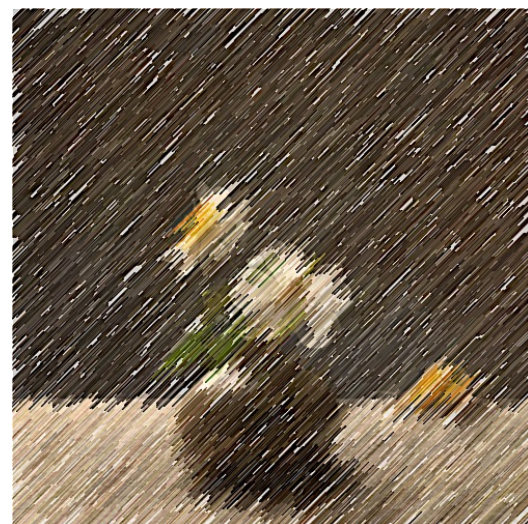


■ *Triết học,
Minh triết,
&
Văn hoá Bản địa*



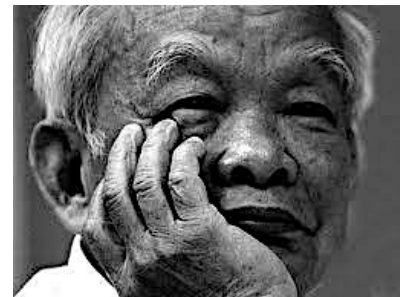
- Wabi-Sabi (侘寂 sá tịch) là một thuật ngữ đại diện cho thẩm mỹ Nhật Bản và một thế giới quan của nền văn hoá Nhật, tập trung vào việc chấp nhận tính phù du và sự không hoàn hảo.
- Thẩm mỹ này đôi khi được mô tả như một trong những vẻ đẹp “không hoàn hảo, vô thường, và không đầy đủ”.
- Wabi có nghĩa là ý thức tìm kiếm cảm giác đủ đầy về tâm hồn trong sự túng thiếu, nghèo khổ. Bắt nguồn từ Wabu có nghĩa là thất vọng, buồn phiền, đau khổ, sống cuộc sống nghèo nàn, tận hưởng không gian tĩnh lặng.
- Sabi bắt nguồn từ Sabu có nghĩa là vẻ đẹp toát ra từ sự tự nhiên, “được” hư hỏng dần dần theo thời gian năm tháng, và cái đẹp cũng sinh ra từ đó.
- <https://vn.japo.news/contents/van-hoa/truyen-thong/48000.html>







*L'autre/
The Other/
Tha nhân/
Thế tượng khác*

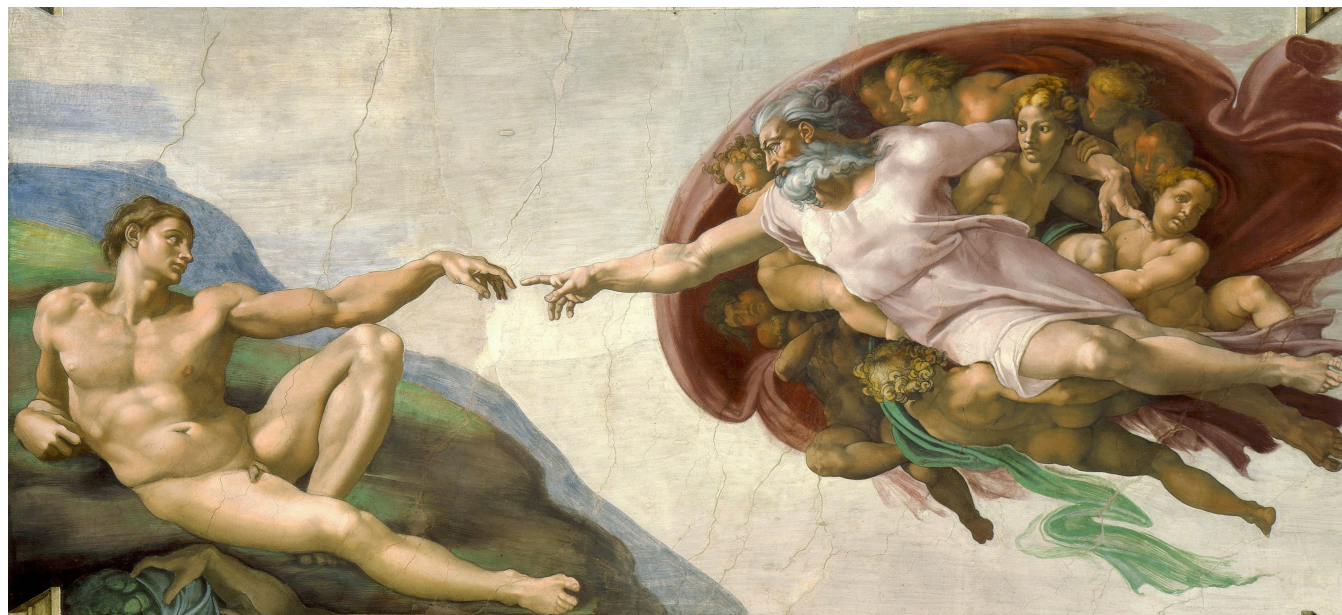


Chẳng hạn, ngay từ đầu, khái niệm “autre”, “l'autre” (“khác”, “người khác”, “kẻ khác”, “cái khác”), một trong những khái niệm cơ bản nhất của tư duy (và của cả văn hóa) phương Tây.

Khái niệm này có nguồn gốc rất sâu xa.

Trong quan niệm Cơ-đốc giáo, khái niệm này tất yếu liên quan đến khái niệm về Chúa, Đấng Sáng Tạo. Chúa, chính là “Người Khác” cao nhất, tự đủ với chính mình, nhưng trong tình yêu vô tận của Người, Người đã tạo ra con người theo hình ảnh của Người và giống như Người, bằng ngay việc đó tạo ra Cái Khác (Altérité=khác).

Trong một ý nghĩa xuất phát từ một quan niệm sâu xa và cơ bản như vậy, chúng tôi đã quyết định dịch câu phụ đề gặp ngay ở đầu sách này “(*La sagesse*) ou *L'autre de la philosophie*” là: “(*Mình triết*) hay **thể tạng khác của Triết học**”. Chúng tôi cho rằng chính tác giả, khi khảo sát về mình triết, đã quan niệm đúng như vậy về nó, đứng về phía triết học: ông coi đó là một **thể tạng khác** của triết học, có thể từ đó soi sáng trở lại cho chính triết học, cũng hệt như “Hắn khiến cho Ta có ý thức về Ta”.



“The Creation of Adam” (Italian: Creazione di Adamo, 1508-151),
a fresco painting by Italian artist Michelangelo (1475-1564)

- *Sagesse,*
- *Wisdom,*
- *Minh triết*





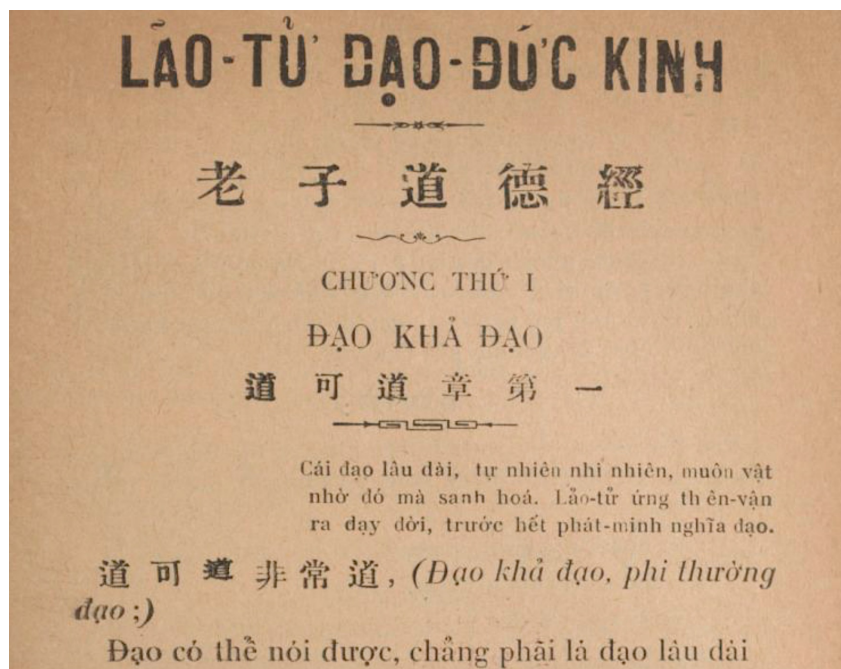
Bởi phải thú nhận rằng triết học có thể đã hơi quá dễ bằng lòng với những thể tạng (ses autres) công khai của nó: với cái thể tạng khác nhỏ của nó là khoa nguy biện, bị bêu xấu khá dễ dàng; hay với cái thể tạng khác lớn của nó là khoa thần học, mà nó là kẻ tòng phạm khá lâu. Còn **minh triết**, dưới những dáng vẻ kín đáo hơn, qua phân tích, tỏ ra là một thể tạng khác ương ngạnh hơn - các lựa chọn của nó, kỳ thực, gây phiền phức hơn, tính phản-triết học của nó cay độc hơn. Rất hồ hững, nó bảo ta rằng có thể chẳng cần đến chân lý làm gì (chỉ cần sự thích đáng là đủ rồi); thậm chí chẳng có gì để mà nói về các sự vật cả (bởi chính sự nói đó cản trở việc xem xét chúng một cách đồng đều); và, trước hết, chớ nên tin ở các tư tưởng, bởi, không những chúng đặt ta ra xa, mà, cố định và pháp điển hóa tư duy, chúng khiến cho tư duy luôn thiên vị và tước mất đi sự không vương bận của trí tuệ.

1. Xin nói ngay, một bậc minh triết thì **vô ý**.

“Vô ý” có nghĩa là ông giữ không đưa ra một tư tưởng nào ưu tiên hơn các tư tưởng khác, gây thiệt cho các tư tưởng khác: ông không có tư tưởng định sẵn trong đầu, đặt làm nguyên lý, dùng làm nền tảng, hay chỉ đơn giản làm khởi điểm, để từ đó suy ra hay, chí ít, triển khai tư duy của mình. Nguyên lý, **arché**¹: vừa là cái bắt đầu vừa là cái chỉ đạo, cái từ đó tư duy có thể khởi đầu. Khi nó đã được đặt ra rồi, mọi cái khác cứ theo đó mà đi. Nhưng, đây chính là cái bẫy, bậc minh triết sợ cái phương hướng được vội chọn ấy và cái bá quyền mà nó thiết lập nên. Bởi tư tưởng vừa được đưa ra đã đẩy lùi các tư tưởng khác, dù sau đó có kết hợp chúng lại, hay đúng hơn nó đã lén lút chặn đứng chúng lại. Bậc minh triết sợ cái quyền lực sắp đặt đó của cái thứ nhất... Cho nên, các “tư tưởng” ấy, ông sẽ giữ cho chúng cùng ở trên một bình diện - và đây chính là minh triết của ông: giữ cho chúng đều có khả năng ngang nhau, đều có thể được tiếp cận như nhau, không cái nào do lấn lên trước mà che khuất mất cái khác, phủ bóng xuống cái khác, tóm lại không cái nào được ưu tiên.

“Vô ý” có nghĩa là bậc minh triết không sở hữu một tư tưởng nào hết, không bị bất cứ tư tưởng nào cầm tù. Nói cho chặt chẽ hơn, rõ rệt hơn: ông **không đưa ra tư tưởng nào hết**. Nhưng, chính điều đó, có thể tránh được không? Làm sao có thể tư





道

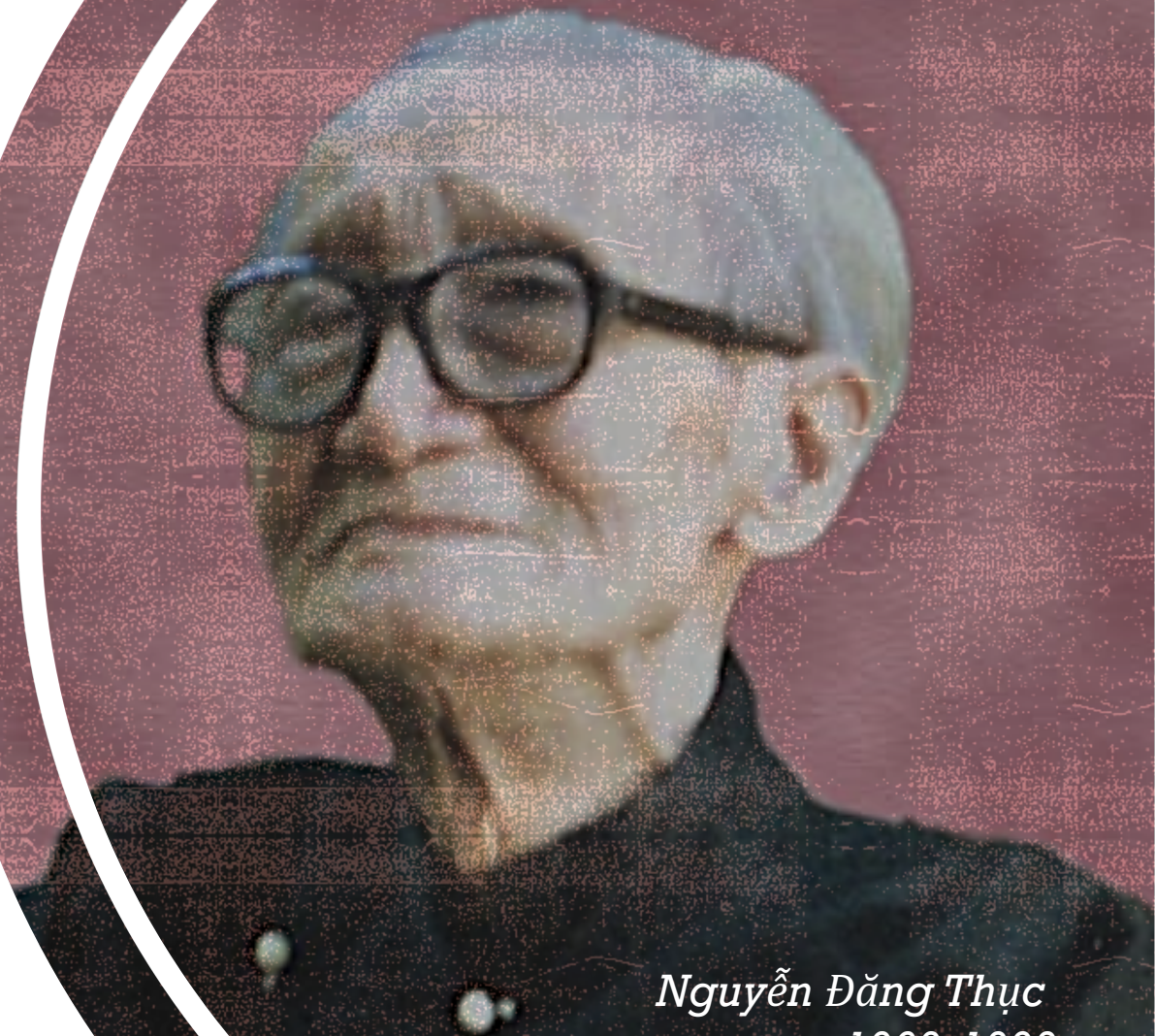


3. Đó là chọn lựa của minh triết (đối diện với triết học): giữ không định điều gì hết, không đưa ra bất cứ điều gì. Đối diện, nghĩa là nhìn từ minh triết, triết học sinh ra từ chính sự thiên vị khởi nguyên ấy, nó đưa ra trước một tư tưởng, sau đó tư tưởng ấy không ngừng được lấy lại, làm cho biến dạng đi, biến đổi đi, từ đó triết học không còn có thể làm gì khác hơn là sửa chữa một quan điểm riêng biệt bằng một quan điểm riêng biệt khác - mỗi nền triết học, như ta biết, lại phủ nhận nền triết học trước đó. Tóm lại, nó không thể làm gì khác hơn là gập tư duy của con người theo một cách khác. Nhưng không bao giờ hoàn toàn thoát ra được khỏi sự thiên vị mà nó đã rơi vào lúc khởi đầu - khỏi cái nếp gập ấy, hay đúng hơn, khỏi cái rãnh ấy, cái tư tưởng đầu tiên được đưa ra. Cho nên, do cái lỗi nguyên lai đó, và để vượt qua cái lỗi ấy, vì nó không thể xóa cái lỗi đó đi được, nó cứ buộc phải đi tới mãi, phải nghĩ khác mãi: từ

Lịch sử
Triết Học

ĐÔNG
PHƯƠNG

Saigon, 1956-1964



*Nguyễn Đăng Thục
1909-1999*

C. TRIẾT HỌC VỚI VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT NAM

Dân tộc Việt Nam sống chết ở giữa hai khu vực văn hóa tới cổ trên đây của nhân loại vì điều kiện địa lý và lịch sử, dù muốn hay không, bắt buộc nó phải điều hòa thích ứng với hoàn cảnh để mà tồn tại. Và nó đã tồn tại cho tới ngày nay chính nhờ ở cái khả năng điều hòa thích ứng ấy vậy. Chính ở đây chúng ta tìm thấy cái cá tính văn hóa dân tộc của nó. Dù nhược tiểu về mọi phương diện, thực tế cũng như tinh thần, mà lại sớm có cái ý chí độc lập tự do, không chịu thua với dân Chiêm Thành-dại diện cho văn hóa Ấn Độ, cũng không chịu sát nhập vào bản đồ Trung Quốc như Quảng Đông, Quảng Tây, dân tộc Việt Nam đã tìm thấy lẽ sống còn của nó ở "TRIẾT LÝ THỰC HIỆN QUÂN BÌNH".



Cái triết lý quân bình giản dị chất phác ấy đã rất phổ biến ở dân gian Việt Nam như chúng ta đều thấy. Tuy nhiên nó không phải đã lãng bỏ để buông trôi sự sống, nó đòi luôn luôn có sự cố gắng, một nghị lực để thực hiện không phải tầm thường. Gặp những trường hợp xung đột giữa cá nhân với đoàn thể thì bao giờ đoàn thể cũng thắng vì lẽ đoàn thể bao hàm cá nhân. Đây là trường hợp của Nguyễn Trãi với Nguyễn Phi Khanh ở Ái Nam Quan "Thôi các con theo cha khóc lóc mà làm chi ? Các con hãy quay về trả thù nhà nợ nước, ấy là chí hiếu đó."

Và ở trường hợp xung đột giữa đạo lý vũ trụ với nghĩa lý nhân sinh thì đạo lý vũ trụ phải nhường cho nghĩa lý nhân sinh như trường hợp Trần Thái Tông bỏ triều đình vào rừng tìm Phật rồi lại phải trở về vì tiếng gọi của nhân dân.





Vũ trụ là một đại hòa điệu mà sông núi "sông nước chảy, núi mây bay" là biểu hiện mối tình của âm dương trường cửu. Văn chương diễn tả cái chi khí có cảm xúc thâm trầm hồn sông núi thì khí văn mới đặc biệt cảm hóa. Người tài ba lỗi lạc không phải ở cái tri thức lý thuyết mà phải có dải dầu từng trãi mùi đời như cây thông không ngại sương tuyết thì mới là người thực tài.

Vĩ trước sau chi hàm cái triết lý sống quân bình cho dân tộc và vũ trụ cho nên tinh thần văn hóa Việt Nam đã phối hợp một cách màu nhiệm cũng như sự sống màu nhiệm, hai đặc tính của văn hóa Ấn Độ và văn hóa Trung Hoa : Nhân sinh và vũ trụ, thực tế với lý tưởng, vật với tâm thường